

QUY ĐỊNH

**Mức chi cụ thể và một số chế độ đặc thù đối với hoạt động
thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các nội dung sau:

- Chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng, chế độ đặc thù đối với thành viên đội thể thao cấp thành phố, cấp xã;
- Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia, cấp thành phố, cấp xã;
- Quy định mức chi cụ thể tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp thành phố, cấp xã tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu gồm:
 - Huấn luyện viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố; đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp xã đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
 - Huấn luyện viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố; đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
 - Vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố; đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp xã đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
 - Vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố; đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
 - Bác sỹ, kỹ thuật y (sau đây gọi là nhân viên y tế) đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp thành phố hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
- Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế làm việc hoặc tập luyện, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan quản lý).
- Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế sau khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan sử dụng).

Cơ quan quản lý có thể là cơ quan sử dụng.

4. Các huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu và đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia, cấp thành phố, cấp xã.

5. Đối tượng thuộc quy định mức chi cụ thể tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp thành phố, cấp xã tổ chức.

a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban Đại hội Thể dục thể thao, hội thi thể thao;

b) Thành viên Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải đấu;

c) Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal;

d) Vận động viên, huấn luyện viên;

đ) Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ;

e) Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu;

g) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Chương II

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG, CHẾ ĐỘ ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN ĐỘI THỂ THAO

Điều 4. Tiền lương và chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 2 Quy định này được hưởng tiền lương như sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả.

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp tiền lương quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, thi đấu chia cho 26 ngày.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

- a) Huấn luyện viên đội tuyển cấp xã: 300.000 đồng/người/ngày.
- b) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày.

3. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quy định này được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

- a) Vận động viên đội tuyển cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày.
- b) Vận động viên đội tuyển trẻ cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

4. Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng như sau:

- a) Đội tuyển cấp xã: 210.000 đồng/người/ngày.
- b) Đội tuyển trẻ cấp xã: 175.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Tiền lương và chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao cấp thành phố trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Chế độ tiền lương

a) Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

b) Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp thành phố trong thời gian tập trung tập huấn trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu thực hiện theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 2, điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

c) Đối với nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) phục vụ đội tuyển cấp thành phố, đội tuyển trẻ cấp thành phố hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

d) Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này được hưởng tiền lương làm thêm giờ cho những ngày thực tế tập trung tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền lương làm thêm giờ được xác định bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này nhân với mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

2. Chế độ dinh dưỡng

a) Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

b) Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo Giấy mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

c) Thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14 được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

d) Trong thời gian tập huấn trong nước, trường hợp di chuyển đến các địa điểm khác địa điểm tập trung tập huấn để thực hiện nghĩa vụ, thành viên đội thể thao được áp dụng hưởng chế độ theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 6. Chế độ đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên nữ

1. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển cấp thành phố, đội tuyển trẻ cấp thành phố trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ với mức 37.000 đồng/người/ngày.

2. Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu cấp thành phố, đội tuyển, đội tuyển trẻ cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ với mức 26.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Chế độ bảo hiểm

Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được đảm bảo tham gia các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật, bao gồm: Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1. Đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Việc đóng bảo hiểm được thực hiện tại cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Cơ quan sử dụng có trách nhiệm định kỳ hằng tháng chuyển số tiền bảo hiểm tương ứng thuộc trách nhiệm của cơ quan sử dụng cho cơ quan quản lý để đóng các loại bảo hiểm này cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm chi trả các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tiền lương tháng để đóng bảo hiểm cho các đối tượng này là tiền lương ngày quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 hoặc khoản 1 Điều 6 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP nhân với 26 ngày.

3. Đối với nhân viên y tế

Chế độ bảo hiểm đối với nhân viên y tế tham gia phục vụ các đội tuyển được áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương III **MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN**

Điều 8. Mức thưởng

1. Mức thưởng bằng tiền cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia.

a) Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền cụ thể:

- Đại hội thể thao toàn quốc thưởng huy chương vàng 30.000.000 đồng/người, huy chương bạc 15.000.000 đồng/người, huy chương đồng 7.000.000 đồng/người, phá kỷ lục 7.000.000 đồng/người. Giải vô địch quốc gia từng môn; giải tập thể, cá nhân xuất sắc thưởng huy chương vàng 14.000.000 đồng/người, huy chương bạc 7.000.000 đồng/người, huy chương đồng 4.600.000 đồng/người, phá kỷ lục 4.600.000 đồng/người.

- Giải cúp, giải câu lạc bộ thưởng huy chương vàng 7.000.000 đồng/người, huy chương bạc 3.500.000 đồng/người, huy chương đồng 2.300.000 đồng/người, phá kỷ lục 2.300.000 đồng/người.

- Giải vô địch trẻ quốc gia:

+ Dưới 12 tuổi: thưởng huy chương vàng 2.800.000 đồng/người, huy chương bạc 1.400.000 đồng/người, huy chương đồng 900.000 đồng/người, phá kỷ lục 900.000 đồng/người.

+ Từ 12 đến dưới 16 tuổi: thưởng huy chương vàng 4.200.000 đồng/người, huy chương bạc 2.100.000 đồng/người, huy chương đồng 1.400.000 đồng/người, phá kỷ lục 1.400.000 đồng/người.

+ Từ 16 đến dưới 18 tuổi: thưởng huy chương vàng 5.600.000 đồng/người, huy chương bạc 2.800.000 đồng/người, huy chương đồng 1.800.000 đồng/người, phá kỷ lục 1.800.000 đồng/người.

+ Từ 18 đến dưới 23 tuổi: thưởng huy chương vàng 7.000.000 đồng/người, huy chương bạc 3.500.000 đồng/người, huy chương đồng 2.300.000 đồng/người, phá kỷ lục 2.300.000 đồng/người.

Đối với môn thể thao bóng đá, bóng chuyền được phân thành nhiều cấp độ giải đấu, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao này quy định mức thưởng như sau:

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá vô địch quốc gia, bóng chuyền các đội mạnh quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng huy chương Đại hội thể thao toàn quốc.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá cúp quốc gia, bóng đá hạng Nhất quốc gia, bóng chuyền hạng A quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng huy chương tại các giải vô địch quốc gia.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá hạng Nhì quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng huy chương tại giải vô địch trẻ quốc gia từ 18 đến dưới 23 tuổi.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá hạng Ba quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng huy chương tại giải vô địch trẻ quốc gia từ 16 đến dưới 18 tuổi.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được hưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia được hưởng mức thưởng như sau:

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao quốc gia có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên, từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên, trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

- Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

d) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

đ) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

2. Mức thưởng bằng tiền cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố.

a) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu cá nhân, mức thưởng bằng tiền cụ thể như sau:

- Đại hội Thể dục thể thao thành phố, các giải vô địch thể thao thành phố thưởng huy chương vàng 1.500.000 đồng/người, huy chương bạc 1.000.000 đồng/người, huy chương đồng 700.000 đồng/người.

- Giải vô địch trẻ thành phố từng môn, giải cúp, giải các câu lạc bộ, giải thể thao người khuyết tật, hội thi thể thao quần chúng cấp thành phố thưởng huy chương vàng 1.000.000 đồng/người, huy chương bạc 800.000 đồng/người, huy chương đồng 500.000 đồng/người.

b) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể (quy định theo Điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho các vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

- Đối với các môn thể thao có trao giải khuyến khích cá nhân từ hạng 4 đến hạng 10:

+ Hạng 04 đến hạng 06: được thưởng bằng 70% mức thưởng của huy chương đồng cá nhân.

+ Hạng 07 đến hạng 10: được thưởng bằng 50% mức thưởng của huy chương đồng cá nhân.

c) Đối với các giải thể thao có quy định xếp hạng toàn đoàn trong kế hoạch hoặc điều lệ giải (nếu có).

- Xếp hạng toàn đoàn tại các giải, hội thi thể thao cấp thành phố thưởng hạng nhất 2.000.000 đồng, hạng nhì 1.500.000 đồng, hạng ba 1.000.000 đồng.

- Xếp hạng toàn đoàn tại Đại hội Thể dục thể thao cấp thành phố thưởng hạng nhất 5.000.000 đồng, hạng nhì 4.000.000 đồng, hạng ba 3.000.000 đồng.

3. Mức thưởng bằng tiền cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp xã tối đa 80% các mức tương ứng tại khoản 2 Điều này.

4. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cấp xã đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố thực hiện tối đa 80% các mức tương ứng tại khoản 2 Điều này.

Chương IV

QUY ĐỊNH MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 9. Nội dung chi và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

Số thứ tự	Đối tượng	Mức chi cấp thành phố (đồng/người)	Mức chi cấp xã (đồng/người)
	Đại hội, giải thi đấu thể thao, hội thi thể thao cấp thành phố, cấp xã		
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày	130.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	190.000/buổi	150.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	135.000/buổi	110.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi	65.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao)		
a	Người tập		
-	Tập luyện	65.000/buổi	50.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	95.000/buổi	75.000/buổi

-	Chính thức	150.000/buổi	120.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	135.000/buổi	110.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal		
a	Giải bóng đá nam, nữ		
-	Trọng tài chính	320.000/buổi	250.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Điều phối viên	160.000/buổi	130.000/buổi
b	Giải futsal nam, nữ		
-	Trọng tài chính	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi	130.000/buổi
-	Điều phối viên	120.000/buổi	100.000/buổi

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

- Được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo kế hoạch hoặc điều lệ của giải đấu.

- Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại

Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các Đại hội Thể dục thể thao, Hội thi thể thao) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Các khoản chi khác

Các khoản chi khác thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam./.